

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

### 19. DỰ PHÒNG ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)

Ghi chú:

- (i) Tổng Công ty trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn, Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình, Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa, Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung và Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An với tổng số tiền khoảng 510 tỷ VND dựa trên thông tin báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 chưa được soát xét. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Tổng Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 của các công ty này. Do đó, Tổng Công ty chưa đánh giá được hết sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư trên. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ chưa bao gồm bất cứ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề này.

Đối với các khoản đầu tư vào các Công ty liên kết còn lại và các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (không bao gồm Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long) với tổng giá trị ghi sổ và tổng giá trị dự phòng của các khoản đầu tư lần lượt là khoảng 577 tỷ VND và 512 tỷ VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Tổng Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 của các công ty này. Do đó, Tổng Công ty chưa đánh giá được hết sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư trên. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ chưa bao gồm bất cứ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề này.

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

### 20. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Công ty Công nghiệp Daelim	1.014.267.875.207	1.054.255.257.836
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	473.056.233.552	484.890.856.579
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	177.049.565.265	177.049.565.265
Tập đoàn Sojitz	140.587.579.108	132.719.099.414
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy	25.427.763.932	27.042.356.726
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	109.262.778.853	107.165.897.573
Các đối tượng khác	784.981.869.415	775.646.221.447
<b>Cộng</b>	<b>2.724.633.665.332</b>	<b>2.758.769.254.840</b>
<b>Trong đó, Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 34)</b>	<b>558.125.338.854</b>	<b>574.548.447.338</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

**21. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	55.249.084.009	55.740.009.354
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	82.778.475.899	82.778.475.899
Các đối tượng khác	34.162.629.455	1.752.284.896
<b>Cộng</b>	<b>172.190.189.363</b>	<b>140.270.770.149</b>
<b>Trong đó, Người mua trả tiền trước là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 34)</b>	<b>82.778.475.899</b>	<b>82.778.475.899</b>

**22. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu kỳ	Số phải nộp/ phải thu trong kỳ	Số đã thực nộp/ đã thu trong kỳ	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	434.204.167	32.371.337.209	181.353.353	32.624.188.023
Thuế thu nhập cá nhân	1.182.992.925	150.989.541	3.204.695	1.330.777.771
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	170.757.278	170.757.278	-
Các loại thuế khác	-	14.497.599	14.497.599	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	11.965.111	205.829.715	13.965.111	203.829.715
<b>Cộng</b>	<b>1.629.162.203</b>	<b>32.913.411.342</b>	<b>383.778.036</b>	<b>34.158.795.509</b>
<b>b) Phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng	26.600.011	2.149.627.207	-	2.176.227.218
Thuế xuất, nhập khẩu	19.254.703	-	-	19.254.703
Thuế thu nhập doanh nghiệp	21.256.556.285	-	-	21.256.556.285
Thuế thu nhập cá nhân	29.670.748	312.173.519	292.088.986	49.755.281
Các loại thuế khác	783.720	-	-	783.720
<b>Cộng</b>	<b>21.332.865.467</b>	<b>2.461.800.726</b>	<b>292.088.986</b>	<b>23.502.577.207</b>

**23. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
<i>a) Ngắn hạn</i>	<b>330.427.142.513</b>	<b>361.463.387.688</b>
Chi phí phải trả cho các công trình xây dựng	322.669.098.184	353.383.216.513
Chi phí phải trả khác	7.758.044.329	8.080.171.175
<i>b) Dài hạn</i>	<b>71.064.369.884</b>	<b>71.064.369.884</b>
Chi phí phải trả cho các công trình xây dựng	71.064.369.884	71.064.369.884



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

**24. PHẢI TRẢ KHÁC**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>377.057.473.738</b>	<b>367.176.404.628</b>
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN, KPCĐ	5.335.632.767	1.246.194.469
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.000.000	3.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	371.718.840.971	365.927.210.159
- Dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh (i)	137.942.779.492	137.942.779.492
- Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (OceanBank) (ii)	136.799.164.013	133.507.481.108
- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (iii)	54.038.464.510	54.038.464.510
- Các đối tượng khác	42.938.432.956	40.438.485.049
<b>b) Dài hạn</b>	<b>29.520.935</b>	<b>29.520.935</b>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	29.520.935	29.520.935
<b>Cộng</b>	<b>377.086.994.673</b>	<b>367.205.925.563</b>

Ghi chú:

- (i) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, số dư dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh như trình bày tại Thuyết minh số 35.
- (ii) Khoản phải trả Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương thể hiện số lãi vay phải trả tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, bao gồm chi phí lãi vay của Tổng Công ty và chi phí lãi vay mà Tổng Công ty sẽ thu lại từ các công ty mà Tổng Công ty đã thanh toán hộ hoặc cho vay theo các hợp đồng hỗ trợ vốn (trình bày tại Thuyết minh số 8) để thanh toán cho OceanBank. Theo Nghị quyết số 7548/NQ-DKVN ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và theo Công văn số 7697/2014/CV-OceanBank ngày 09 tháng 12 năm 2014 của OceanBank, thời điểm thanh toán các khoản này đã được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 và lãi suất khoản vay giảm xuống còn 1%/năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 như trình bày tại Thuyết minh số 25. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2018, khoản vay chịu lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Tổng Công ty đang tìm kiếm các giải pháp để thanh toán cho khoản phải trả lãi vay đã quá hạn.
- (iii) Khoản phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chủ yếu bao gồm khoảng 42,2 tỷ VND là số tiền Tập đoàn Dầu khí Việt Nam hỗ trợ Tổng Công ty để thanh toán cho các nhà thầu của Dự án Khu Công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

**25. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ		Trong kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	704.303.132.891	704.303.132.891	53.452.754.738	220.218.233.872	871.068.612.025	871.068.612.025
a) Vay ngắn hạn	99.718.026.380	99.718.026.380	53.452.754.738	134.418.754.664	180.684.026.306	180.684.026.306
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây	95.718.026.380	95.718.026.380	49.452.754.738	134.418.754.664	180.684.026.306	180.684.026.306
- Ông Lương Thế Hùng	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000	-	-	-
b) Vay dài hạn đến hạn trả (ii)	604.585.106.511	604.585.106.511	-	85.799.479.208	690.384.585.719	690.384.585.719
- Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương	604.585.106.511	604.585.106.511	-	85.799.479.208	690.384.585.719	690.384.585.719
<b>Cộng</b>	<b>704.303.132.891</b>	<b>704.303.132.891</b>	<b>53.452.754.738</b>	<b>220.218.233.872</b>	<b>871.068.612.025</b>	<b>871.068.612.025</b>

**Ghi chú:**

- (i) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/2084729/HĐTD ngày 30 tháng 6 năm 2020 với hạn mức 900 tỷ VND và thời hạn cấp tín dụng đến ngày 30 tháng 6 năm 2021 nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động cho Tổng Công ty. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo. Các khoản vay được giải ngân theo các khế ước nhận nợ, có thời hạn vay mỗi lần nhận nợ không quá 8 tháng (đối với các khoản vay phát sinh trước ngày 01/01/2021) và 11 tháng (đối với các khoản vay phát sinh trong kỳ), lãi suất vay được xác định tại thời điểm nhận nợ vay. Lãi suất áp dụng cho các khoản vay phát sinh trước ngày 01 tháng 01 năm 2021 là 8,4%/năm, lãi suất áp dụng cho các khoản vay phát sinh trong kỳ là 7,5%/năm.
- (ii) Vay dài hạn đến hạn trả phản ánh khoản vay Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (OceanBank) theo các Hợp đồng tín dụng số 10/2010/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 20 tháng 10 năm 2010, số 602/2011/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 30 tháng 6 năm 2011 và số 603/2011/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 30 tháng 6 năm 2011 giữa OceanBank và Tổng Công ty từ nguồn vốn ủy thác của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại OceanBank. Theo Nghị quyết số 7548/NQ-DKVN ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và theo Công văn số 7697/2014/CV-OceanBank ngày 09 tháng 12 năm 2014 của OceanBank, thời hạn thanh toán của các hợp đồng tín dụng nói trên được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 và lãi suất áp dụng cho các khoản vay là 2,4%/năm kể từ thời điểm không trả được lãi đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 và lãi suất 1%/năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2015. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2018, khoản vay chịu lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, khoản vay đã quá hạn thanh toán, Tổng Công ty vẫn đang tìm các giải pháp để thanh toán cho khoản gốc vay quá hạn nêu trên.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng,  
Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

**MÃ SỐ B 09a-DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

**26. VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lỗ lũy kế	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	4.000.000.000.000	(29.710.000)	76.986.992.734	500.000.000	(3.559.903.183.485)	517.554.099.249
Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	(48.179.468.052)	(48.179.468.052)
Số dư cuối kỳ trước	4.000.000.000.000	(29.710.000)	76.986.992.734	500.000.000	(3.608.082.651.537)	469.374.631.197
Số dư đầu kỳ này	4.000.000.000.000	(29.710.000)	76.986.992.734	500.000.000	(3.712.182.490.608)	365.274.792.126
Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	(36.108.590.797)	(36.108.590.797)
Số dư cuối kỳ này	4.000.000.000.000	(29.710.000)	76.986.992.734	500.000.000	(3.748.291.081.405)	329.166.201.329

**b) Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 19 ngày 06 tháng 11 năm 2020, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 4.000.000.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận		Vốn đã góp	
	Đăng ký kinh doanh VND	%	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.178.733.330.000	54,47%	2.178.733.330.000	2.178.733.330.000
Các đối tượng khác	1.821.266.670.000	45,53%	1.821.266.670.000	1.821.266.670.000
<b>Cộng</b>	<b>4.000.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>4.000.000.000.000</b>	<b>4.000.000.000.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

**26. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)**

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	4.000.000.000.000	4.000.000.000.000
- Vốn góp đầu kỳ	4.000.000.000.000	4.000.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	4.000.000.000.000	4.000.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d) Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	400.000.000	400.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	400.000.000	400.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	2.971	2.971
- Cổ phiếu phổ thông	2.971	2.971
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	399.997.029	399.997.029
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**27. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ (USD)	13.186	844.888
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	9.716.217.233	9.716.217.233

**28. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>412.963.119.389</b>	<b>159.567.945.306</b>
<u>Trong đó:</u>		
- Doanh thu hoạt động xây lắp	409.095.668.934	154.461.372.573
- Doanh thu bán hàng	2.671.753.466	1.839.375.275
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.195.696.989	3.267.197.458
	<b>412.963.119.389</b>	<b>159.567.945.306</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>412.963.119.389</b>	<b>159.567.945.306</b>
<b>Trong đó: Doanh thu với các bên liên quan</b>	<b>393.437.128.909</b>	<b>100.194.286.836</b>
<b>(Chi tiết tại Thuyết minh số 34)</b>		

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

**29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Giá vốn của hoạt động xây lắp	413.729.357.172	152.321.878.319
Giá vốn của hàng bán	2.670.235.974	2.543.330.539
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.195.696.989	2.519.380.024
<b>Cộng</b>	<b>417.595.290.135</b>	<b>157.384.588.882</b>

**30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	26.826.200	1.725.453.288
Lãi bán các khoản đầu tư	-	262.786.500
Lãi chênh lệch tỷ giá	89.112.117	713.022.733
<b>Cộng</b>	<b>115.938.317</b>	<b>2.701.262.521</b>

**31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lãi tiền vay	9.076.260.007	10.062.931.276
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính (i)	-	186.928.300.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá	65.898.471	828.048.344
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	11.849.893.493	(173.015.276.999)
Chi phí tài chính khác	3.093.958.348	4.781.351.894
<b>Cộng</b>	<b>24.086.010.319</b>	<b>29.585.354.515</b>

Ghi chú:

- (i) Khoản lỗ từ việc thanh lý khoản đầu tư vào Công ty con - Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam trong kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

**32. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên	16.468.294.167	19.728.637.422
Chi phí đồ dùng văn phòng	152.859.972	232.940.183
Chi phí khấu hao TSCĐ	701.221.226	745.211.564
Thuế, phí và lệ phí	313.686.477	702.287.409
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.272.472.969	5.177.238.132
Chi phí bằng tiền khác	3.138.786.997	3.042.724.552
(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	(16.838.756.611)	(398.678.932)
<b>Cộng</b>	<b>8.208.565.197</b>	<b>29.230.360.330</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

**33. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.388.757.947	1.631.571.269
Chi phí nhân công	27.701.213.171	33.713.048.278
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.060.951.496	2.616.429.546
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.298.310.144	204.956.237.003
(Hoàn nhập) dự phòng tổn thất tài sản	(16.838.756.611)	(398.678.932)
Chi phí khác bằng tiền	3.445.749.859	3.270.973.770
<b>Cộng</b>	<b><u>61.056.226.006</u></b>	<b><u>245.789.580.934</u></b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

**34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong kỳ:*

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN)	Công ty mẹ
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hoá dầu Nghi Sơn	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Sông Hậu 1	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Viện Dầu khí Việt Nam	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	Cùng chủ sở hữu
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	Cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Dầu khí	Cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	Công ty con
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	Công ty con
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Công ty con
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	Công ty con
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	Công ty con
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn	Công ty con
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hoá	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí	Công ty liên kết

*Trong kỳ, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
<b>Bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>393.437.128.909</b>	<b>100.194.286.836</b>
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	417.825.835.341	99.212.651.493
Viện Dầu khí Việt Nam	(27.692.765.381)	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	326.255.668	-
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	326.255.672	-
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô	332.891.386	40.852.320
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	677.827.382	38.213.692
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	255.867.893	205.830.829
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	-	835.353.750
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hoá	246.714.756	78.725.085
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	228.973.627	255.110.328
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	909.190.747	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn	81.818	(472.450.661)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

**34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

*Trong kỳ, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan (Tiếp theo):*

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
<b>Mua hàng hóa và dịch vụ</b>	<b>(5.706.899.424)</b>	<b>17.817.070.072</b>
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	6.368.499.922	(1.045.493.608)
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	(20.814.174.967)	(75.636)
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	5.250.409.252	731.500
Công ty Cổ phần Dầu khí Đồng Đô	3.404.868.806	4.020.609.115
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn	83.497.563	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	-	132.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	-	12.374.719.091
Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí	-	28.139.180
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	-	2.438.308.430
<b>Tiền lương, thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát</b>	<b>1.174.785.756</b>	<b>2.325.084.499</b>
<b>Hội đồng Quản trị</b>	<b>354.578.762</b>	<b>907.098.027</b>
Ông Nguyễn Đình Thế	25.968.767	262.339.273
Ông Lương Đình Thành	143.520.782	207.316.109
Ông Nghiêm Quang Huy	120.016.486	224.762.645
Ông Nguyễn Quốc Tuấn	-	106.340.000
Ông Phạm Cương	-	106.340.000
Ông Phạm Văn Khánh	65.072.727	-
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>595.636.881</b>	<b>863.359.917</b>
Ông Nguyễn Văn Đồng	130.210.065	246.924.710
Ông Nguyễn Đức Đạt	-	176.092.135
Ông Vũ Chí Cường	114.968.524	158.594.206
Ông Nguyễn Trung Trí	138.280.184	281.748.866
Ông Chu Thanh Hải	117.776.316	-
Ông Bùi Sơn Trường	94.401.792	-
<b>Ban Kiểm soát</b>	<b>224.570.113</b>	<b>554.626.555</b>
Ông Vũ Trọng Quốc Thịnh	123.377.740	221.262.072
Bà Trần Thị Trang	-	149.810.001
Ông Hứa Xuân Nam	101.192.373	183.554.482



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

**34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

*Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:*

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
<b>Các khoản phải thu khách hàng</b>	<b>1.742.121.366.362</b>	<b>1.587.902.957.463</b>
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	1.388.232.239.151	1.196.564.919.848
Viện Dầu khí Việt Nam	73.910.326.534	104.372.368.453
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	92.830.694.349	92.830.694.349
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	69.842.649.525	77.169.629.038
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hoá Dầu Nghi Sơn	50.006.385.426	50.006.385.426
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	23.093.291.361	23.093.291.361
Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí	15.500.000.000	15.500.000.000
Tổng Công ty Khí Việt Nam	9.446.793.928	9.446.793.927
Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	6.097.621.800	6.097.621.800
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	5.546.942.139	5.546.942.139
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	2.765.783.163	2.765.783.163
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	1.503.716.599	1.627.185.210
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	296.057.923	150.700.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	1.164.741.750	1.164.741.750
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	700.000.000	700.000.000
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	278.440.484	278.440.484
Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam	366.052.500	366.052.500
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - CTCPC	-	8.964.327
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô	520.509.275	193.323.233
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	16.811.955	16.811.955
Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	2.308.500	2.308.500
<b>Phải thu khác</b>	<b>173.382.950.011</b>	<b>143.962.042.183</b>
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	31.961.175.904	31.961.175.904
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	36.942.355.433	35.289.515.387
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	27.387.966.723	26.177.267.615
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	20.507.270.308	20.507.270.308
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	731.314.239	731.314.239
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô	9.375.455.925	9.375.455.925
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	6.840.056.555	6.840.056.555
Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	5.360.238.712	5.360.238.712
Công ty cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	1.350.473.068	2.075.889.084
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.068.154.052	2.068.154.052
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	1.669.212.234	1.669.212.234
Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	600.000.000	600.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	500.000.000	500.000.000
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn	344.909.696	344.909.696
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	265.370.827	265.370.827
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	27.387.601.891	104.817.201
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	90.714.104	90.714.104
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	680.340	680.340

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

**34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

*Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau (Tiếp theo):*

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
<b>Trả trước cho người bán</b>	<b>325.691.877.906</b>	<b>305.109.069.213</b>
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	108.864.918.776	108.864.916.776
Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển công nghiệp tàu thủy phía Nam	42.215.869.300	42.215.869.300
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	54.324.395.257	43.006.213.439
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	24.055.310.035	17.338.948.678
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	28.268.366.989	50.693.297.207
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	11.263.563.283	11.263.563.283
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	53.716.437.125	28.662.958.462
Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	2.700.000.000	2.700.000.000
Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	229.674.800	229.674.800
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	53.342.341	53.342.341
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí	-	80.284.927
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>	<b>82.778.475.899</b>	<b>82.778.475.899</b>
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	82.778.475.899	82.778.475.899
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>558.125.338.854</b>	<b>574.548.447.338</b>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	177.049.565.265	177.049.565.265
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	109.262.778.853	107.165.897.573
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	54.755.090.473	52.276.952.713
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	58.374.311.377	62.942.338.058
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	34.914.818.137	38.928.091.686
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	25.427.763.932	27.042.356.726
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn	33.175.372.481	34.055.423.434
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại dầu khí Thái Bình	18.098.943.564	20.861.872.510
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	16.526.121.213	16.926.121.213
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô	10.343.865.111	11.337.503.908
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	1.677.346.521	1.677.346.521
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	3.947.951.289	3.947.951.289
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	14.362.864.330	19.928.480.134
Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	187.307.819	187.307.819
Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí	21.238.489	221.238.489
<b>Các khoản cho vay ngắn hạn</b>	<b>361.863.162.875</b>	<b>364.927.286.716</b>
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	200.000.000.000	200.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	140.610.703.253	142.303.647.827
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	21.252.459.622	22.623.638.889



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng,  
Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

**MÃ SỐ B 09a-DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

**35. CÔNG NỢ VÀ TÀI SẢN TIỀM TÀNG****a) Bảo lãnh cho các khoản vay**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Tổng Công ty có các khoản bảo lãnh cho các công ty khác vay vốn tại các tổ chức tín dụng đã bị quá hạn, cụ thể như sau:

Đơn vị được bảo lãnh	Tổ chức nhận bảo lãnh	Thời hạn bảo lãnh	Dự nợ bảo lãnh		Dự nợ vay quá hạn		Dự phòng nghĩa vụ	
			VND	cuối kỳ	VND	cuối kỳ	VND	nợ phải trả cuối kỳ
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Hội sở chính	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 30/4/2012	73.668.464.073		73.668.464.073		73.668.464.073	
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Đồng Đô	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012	49.961.348.093		49.961.348.093		49.961.348.093	
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Trụ sở chính	Từ ngày 26/7/2011 đến ngày 26/7/2012	14.312.967.325		14.312.967.325		14.312.967.325	
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (*)	Ngân hàng TNHH MTV Đại dương - Chi nhánh Sài Gòn	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 30/8/2012	17.103.570.845		17.103.570.845		-	
<b>Tổng</b>			<b>155.046.350.336</b>		<b>155.046.350.336</b>		<b>137.942.779.491</b>	

Tổng Công ty, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chịu trách nhiệm thanh toán cho các tổ chức tín dụng một khoản tiền bằng giá trị thu bảo lãnh cộng với toàn bộ các nghĩa vụ trả lãi, lãi phạt và các nghĩa vụ tài chính khác phát sinh (nếu có) ngay sau khi nhận được văn bản yêu cầu đầu tiên kèm hồ sơ chứng minh Bên được bảo lãnh đã không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ (nếu có) cho các tổ chức tín dụng. Lũy kế đến ngày 30 tháng 6 năm 2021, (i) các tổ chức tín dụng đã thực hiện khấu trừ tiền từ tài khoản tiền gửi của Tổng Công ty để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh với giá trị là khoảng 91 tỷ VND, (ii) các đơn vị được bảo lãnh đã hoàn trả cho Tổng Công ty khoảng 49 tỷ VND trong tổng số tiền bị khấu trừ nêu trên. Theo đó, số dư phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là khoảng 42 tỷ VND (trình bày tại Thuyết minh số 9).



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

### 35. CÔNG NỢ VÀ TÀI SẢN TIỀM TÀNG (TIẾP THEO)

#### a) Bảo lãnh cho các khoản vay (Tiếp theo)

Theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước nêu tại Báo cáo kiểm toán năm 2014 ký ngày 10 tháng 3 năm 2016, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến các khoản bảo lãnh trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các công ty được bảo lãnh đang tiếp tục làm việc với các tổ chức tín dụng về việc gia hạn thời gian trả nợ. Tổng Công ty cũng đang tiếp tục làm việc với các công ty được bảo lãnh và các tổ chức tín dụng để giải tỏa nghĩa vụ bảo lãnh nhằm tăng khả năng thanh toán của Tổng Công ty cũng như để phù hợp với các quy định về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng.

(\*) Trong năm 2016, Tổng Công ty đã rà soát các thư bảo lãnh và đánh giá nghĩa vụ bảo lãnh của Tổng Công ty tại thư bảo lãnh cho Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG) vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Sài Gòn (nay là Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương (OceanBank) - Chi nhánh Sài Gòn) có sự thay đổi. Hội đồng thẩm định các khoản trích lập dự phòng của Tổng Công ty đã đánh giá và thống nhất việc hoàn nhập dự phòng cho nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến thư bảo lãnh khoản vay của PVC-SG tại OceanBank - Chi nhánh Sài Gòn với số tiền khoảng 99,9 tỷ VND và ghi giảm chi phí tài chính năm 2016.

Ngày 18 tháng 8 năm 2016, PVC-SG gửi Công văn số 58/XLDKSG gửi Tổng Công ty báo cáo một số nội dung liên quan đến tài sản đảm bảo cho khoản vay ủy thác và tình hình làm việc với Oceanbank. Theo đó, ngày 10 tháng 8 năm 2016, Oceanbank - Chi nhánh Sài Gòn đã gửi cho PVC-SG công văn số 784/2016/CV-CNSG trả lời phương án xử lý nợ của PVC-SG. Tại công văn này, Oceanbank - Chi nhánh Sài Gòn đã chấp thuận cho PVC-SG thực hiện phương án đầu tư kinh doanh Dự án Khu dân cư phát triển đô thị khu vực 2 và 3, phường 5, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang (Dự án Vị Thanh) cũng như giải chấp từng phần tài sản đảm bảo để PVC-SG bán hàng/bán tài sản để tạo nguồn trả nợ cho Oceanbank và PVC-SG trả toàn bộ dư nợ gốc (khoảng 148 tỷ VND). Đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, PVC-SG đã trả được 131 tỷ VND/148 tỷ VND nợ gốc; đồng thời PVC-SG thực hiện khá tốt phương án trả nợ mà Oceanbank - Chi nhánh Sài Gòn đưa ra.

#### b) Bảo lãnh thanh toán

Ngày 29 tháng 12 năm 2010, Tổng Công ty đã ký Hợp đồng bảo lãnh số 0112/2010/HĐBL.TT-PVCTB với Công ty TNHH Du lịch Dầu khí Thái Bình (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC-Thái Bình - Công ty con của Tổng Công ty)) và phát hành thư bảo lãnh thanh toán cho PVC-Thái Bình với giá trị bảo lãnh khoảng 111,8 tỷ VND. Theo đó, Tổng Công ty cam kết và bảo đảm với Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP) về việc PVC-Thái Bình sẽ thực hiện thanh toán đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ thanh toán với PVEP theo quy định của Hợp đồng chuyển nhượng Dự án Đầu tư Xây dựng Khách sạn Dầu khí Thái Bình ngày 28 tháng 12 năm 2010 giữa PVEP và PVC-Thái Bình. Thư bảo lãnh thanh toán có hiệu lực kể từ ngày ký tới ngày PVC-Thái Bình hoàn thành nghĩa vụ đối với PVEP theo quy định của Hợp đồng chuyển nhượng nêu trên. Trong năm 2016, Tổng Công ty đã nhận được văn bản từ PVEP yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng nghĩa vụ phải trả của Công ty mẹ - Tổng Công ty đối với khoản bảo lãnh sẽ không phát sinh do PVC-Thái Bình có đủ khả năng thanh toán cho PVEP.

#### c) Kết luận của Thanh tra Chính phủ

Tổng Công ty là nhà thầu thi công dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc và dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất xơ sợi Polyester Đình Vũ.

Ngày 24 tháng 11 năm 2016, Thanh tra Chính phủ ban hành Thông báo số 3129/TB-TTCTP về kết luận thanh tra việc đầu tư các dự án Nhiên liệu sinh học có vốn góp của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các đơn vị. Theo đó, Thanh tra Chính phủ kiến nghị Tổng Công ty phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại kinh tế gây ra đối với chủ đầu tư do vi phạm Hợp đồng EPC xây dựng Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

### 35. CÔNG NỢ VÀ TÀI SẢN TIỀM TÀNG (TIẾP THEO)

#### c) Kết luận của Thanh tra Chính phủ (Tiếp theo)

Ngày 24 tháng 11 năm 2016, Thanh tra Chính phủ cũng ban hành Thông báo số 3130/TB-TTCTP về kết luận thanh tra việc đầu tư xây dựng dự án Nhà máy sản xuất xơ sợi Polyester Đình Vũ. Theo đó, Thanh tra Chính phủ kiến nghị: (i) giảm giá trị nghiệm thu, thanh toán khoảng 46,8 tỷ VND đối với phần công việc do Tổng Công ty thực hiện do việc ký kết hợp đồng đã vi phạm quy định Pháp lệnh ngoại hối; (ii) giảm giá trị nghiệm thu thanh toán khoảng 8,1 tỷ VND và 23 nghìn USD của hợp đồng EPC đối với phần công việc Tổng Công ty thực hiện do nghiệm thu trùng lặp và nghiệm thu khối lượng phát sinh không đúng quy định.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng các Thông báo của Thanh tra Chính phủ nêu trên được dành cho các chủ đầu tư của các dự án mà Tổng Công ty là bên có liên quan theo quan hệ hợp đồng kinh tế. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc với chủ đầu tư và kiến nghị với Thanh tra Chính phủ về các nội dung có liên quan đến Tổng Công ty trong các Thông báo nêu trên.

#### d) Công nợ tiềm tàng khác

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Tổng Công ty và các công ty con đang có một số vụ kiện có liên quan đến các khoản phải thu, phải trả và công nợ tiềm tàng về thuế giá trị gia tăng, lãi phạt chậm nộp tương ứng với doanh thu đã ghi nhận nhưng chưa xuất hóa đơn. Kết quả của các vụ kiện và các công nợ tiềm tàng khác này là chưa xác định được.

### 36. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### a) Giá trị phát sinh chưa lường hết tại các công trình do Tổng Công ty thi công

Do ảnh hưởng của những biến động trong nền kinh tế, ngành nghề hoạt động của Tổng Công ty chứa đựng các rủi ro về sự biến động giá thị trường của các loại nguyên vật liệu dùng cho thi công. Những thay đổi lớn về giá nguyên vật liệu thi công có thể ảnh hưởng lớn đến những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Tổng Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng sự thay đổi của thị trường cũng như ảnh hưởng của các chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ là rất khó dự đoán. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty không thể lường hóa được ảnh hưởng của vấn đề này đối với các công trình đang thi công của Tổng Công ty. Kết quả cuối cùng sẽ chỉ được xác định khi hoàn thành thi công, và nghiệm thu bàn giao cho các chủ đầu tư.

#### Công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2

Tổng Công ty đã ký hợp đồng EPC xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 với Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2 (trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam) với giá trị là khoảng 918 triệu USD và 5.874 tỷ VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, tổng giá trị hợp đồng tạm tính Tổng Công ty đã ký với các nhà thầu phụ cho công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 đã vượt quá giá trị hợp đồng EPC ký với Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2. Theo Công văn số 737/TTg-KTN ngày 23 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ, công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 được bổ sung vào danh mục các dự án điện cấp bách giai đoạn 2013 - 2020;

Dự án được áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù ban hành tại Quyết định số 2414/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ.

Đến ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Tổng Công ty và Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2 đã đàm phán, thống nhất và ký các phụ lục điều chỉnh giá trị hợp đồng EPC tạm xác định là khoảng 949,6 triệu USD và 10.741 tỷ VND. Đồng thời, Tổng Công ty cũng đang trong quá trình làm việc với các nhà thầu phụ để ký lại phụ lục điều chỉnh giá trị hợp đồng với các nhà thầu phụ. Theo Quyết định của Tổng Giám đốc Tổng Công ty về việc phê duyệt Dự toán Hợp đồng EPC xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, giá vốn ước tính để thực hiện dự án của Tổng Công ty là khoảng 952,7 triệu USD và 11.072 tỷ VND; tỷ lệ lỗ gộp dự kiến của toàn dự án là khoảng 1,28%. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá đây là ước tính tốt nhất tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này và số liệu dự toán này luôn được soát xét và cập nhật để phản ánh đúng diễn biến lãi/lỗ thực tế của dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2. Theo đó, Tổng Công ty đã ghi nhận doanh thu và giá vốn của công trình này theo tỷ lệ lỗ gộp dự kiến trên.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

**36. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**a) Giá trị phát sinh chưa lường hết tại các công trình do Tổng Công ty thi công (Tiếp theo)**

Công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1

Ngày 28 tháng 9 năm 2009, Tổng Công ty đã ký hợp đồng xây dựng công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 với Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam (LILAMA) theo Hợp đồng số 280909/LILAMA-PVC với tổng giá trị trọn gói là khoảng 1.322 tỷ VND. Theo Nghị quyết số 686/NQ-DKVN ngày 27 tháng 01 năm 2014, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) đã chấp thuận chi phí phát sinh chưa lường hết của toàn bộ công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (bao gồm hạng mục đường nội bộ và phần xây dựng) là khoảng 1.090 tỷ VND. Giá trị dự toán sau thẩm tra/thẩm định đối với các hạng mục xây dựng do Tổng Công ty thực hiện tăng khoảng 290 tỷ VND (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng được khấu trừ) so với giá trị hợp đồng xây lắp trọn gói Tổng Công ty đã ký. Tổng Công ty đã đề nghị PVN xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án này. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, PVN và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền vẫn chưa có quyết định đối với đề nghị của Tổng Công ty. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng giá trị phát sinh ngoài hợp đồng sẽ được ký kết bổ sung.

**b) Thông tin tái cơ cấu Tổng Công ty**

Theo Nghị quyết số 2627/NQ-DKVN ngày 31 tháng 12 năm 2016, Quyết định số 104/QĐ-DKVN ngày 22 tháng 01 năm 2018 và Nghị quyết số 3696/NQ-DKVN ngày 21 tháng 6 năm 2018 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc phê duyệt kế hoạch tái cơ cấu PVC giai đoạn 2016 - 2020, các doanh nghiệp Tổng Công ty tiếp tục nắm giữ tối thiểu 51% vốn điều lệ trong giai đoạn 2016 - 2020 gồm: Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT) và Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS). Cũng theo các Nghị quyết và Quyết định trên, Tổng Công ty sẽ thoái toàn bộ vốn đầu tư vào các công ty con còn lại trong giai đoạn 2016 - 2020. Đồng thời, Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN), Công ty Cổ phần Thi công cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME) và Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT) sẽ giải thể, phá sản trong trường hợp Tổng Công ty không thể thoái vốn; và Tổng Công ty sẽ thoái vốn toàn bộ tại các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác và chứng khoán kinh doanh trong giai đoạn 2016 - 2020. Hiện tại, Tổng Công ty đang cập nhật kế hoạch tái cơ cấu cho giai đoạn 2021 - 2025 và trình Tập đoàn Dầu khí Việt Nam phê duyệt.

**Vũ Thị Châm**  
Người lập biểu

**Nguyễn Đức Tuấn**  
Kế toán trưởng



**Chu Thanh Hải**  
Phó Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2021